

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
2. Bà Trần Thị Quế Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 181/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đỗ Thị Th, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang; Tạm trú: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Lê Tuấn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: tổ 04, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đỗ Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Lê Tuấn T kết hôn năm 2012, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 21/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân Do giữa bà và ông T bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa, ông T nhiều lần đánh

đập bà, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có hai con chung tên Lê Tuấn A, sinh ngày 06/01/2013 và Lê Thị VA, sinh ngày 07/5/2015. Hiện hai con chung đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Thảo đồng ý để ông T được quyền nuôi hai con chung, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Lê Tuấn T nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 23/8/2022 cháu Lê Tuấn A trình bày nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn để ổn định việc học.

* Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 23/8/2022 cháu Lê Thị VA trình bày nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

* Tại phiên tòa:

- Bà Đỗ Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, không có văn bản thay đổi yêu cầu khởi kiện.

- Ông Lê Tuấn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Đỗ Thị Th được quyền ly hôn ông Lê Tuấn T, ông T được quyền nuôi hai con chung tên Lê Tuấn A, sinh ngày 06/01/2013 và Lê Thị VA, sinh ngày 07/5/2015, ghi nhận sự tự nguyện của bà Thảo cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Đỗ Thị Th và ông Lê Tuấn T là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 23/8/2022 của Công an xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang xác định ông Lê Tuấn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại Cần Thạnh, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: nguyên đơn bà Đỗ Thị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Tuấn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: bà Đỗ Thị Th và ông Lê Tuấn T kết hôn năm 2012, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 21/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Thảo và ông T được đoàn tụ, nhưng bà Thảo cương quyết ly hôn, ông T đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thảo, điều này chứng tỏ ông T cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với bà Thảo. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Th.

2.2 Về con chung: bà Đỗ Thị Th và ông Lê Tuấn T có hai con chung tên Lê Tuấn A, sinh ngày 06/01/2013 và Lê Thị VA, sinh ngày 07/5/2015, hiện hai con chung đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Thảo đồng ý để ông T được quyền nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù cháu VA có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn nhưng bà Thảo có ý kiến để ông T tiếp tục nuôi hai con chung, hiện nay cháu Lê Tuấn A và cháu Lê Thị VA còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà Thảo để ông T được quyền nuôi hai con chung.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Lê Tuấn T không có văn bản yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên bà Đỗ Thị Th có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật. Do các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử áp dụng mức cấp dưỡng cho một con chung mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tương ứng từng thời điểm thi hành án.

2.4 Về tài sản chung: không có

2.5 Về nợ chung: không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà Đỗ Thị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Th.

1. Về hôn nhân: bà Đỗ Thị Th được ly hôn ông Lê Tuấn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2012 ngày 21/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Lê Tuấn T được quyền nuôi con chung tên Lê Tuấn A, sinh ngày 06/01/2013 và Lê Thị VA, sinh ngày 07/5/2015.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Th cấp dưỡng nuôi hai con chung, mức cấp dưỡng cho một con chung mỗi tháng là ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tương ứng từng thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Tuấn A và cháu Lê Thị VA đủ 18 tuổi

4. Về án phí sơ thẩm: bà Đỗ Thị Th phải chịu 600.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (gồm 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng) được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005026 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, bà Thảo còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: bà Đỗ Thị Th và ông Lê Tuấn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Phúc